

Số: 25.../QĐ-SZB-HĐQT

Đồng Nai, ngày 25 tháng 05 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh Quy chế Công bố thông tin (lần 3)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG BÌNH

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình;
- Căn cứ đề nghị của Tổng Giám đốc tại tờ trình số 201/TTr-SZB-TKCT ngày 29/05/2025 về việc điều chỉnh Quy chế Công bố thông tin (lần 3);
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 07/BB-HĐQT ngày 17/06/2025;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc công ty.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 11/QĐ-SZB- HĐQT ngày 30/12/2024.

Điều 3: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các Phòng/Ban và toàn thể cán bộ - nhân viên của Công ty có trách thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TV HĐQT, BKS
- Lưu: TKCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lương Minh Hiền

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 25../QĐ-SZB-HĐQT ngày 25../6/2025)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp giữa các Phòng ban, cá nhân và các đối tượng khác liên quan đến Công ty trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng

- Người công bố thông tin;
- Các phòng ban, bộ phận trực thuộc của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình
- Nhà đầu tư thuộc diện phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 2. Tài liệu tham khảo

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024 của Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 877/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 05 tháng 08 năm 2024;
- Căn cứ Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021;

- Căn cứ Quy chế niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết ban hành kèm theo Quyết định số 17/QĐ-HĐTV ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. UBCKNN là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. SGDCK HN là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
3. Công ty hoặc SZB là Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình.
4. Quy chế là Quy chế công bố thông tin.
5. Nhà đầu tư thuộc diện phải công bố thông tin bao gồm:
 - a. Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
 - b. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
 - c. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
 - d. Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
 - đ. Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.
6. Người nội bộ của Công ty bao gồm:
 - a. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Người đại diện pháp luật;
 - b. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc;
 - c. Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - d. Trưởng Ban và thành viên Ban Kiểm soát;
 - đ. Trưởng Ban và thành viên Ban Kiểm toán nội bộ;
 - e. Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty;
 - g. Người được uỷ quyền công bố thông tin.
7. Người có liên quan là tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019.
8. Người thực hiện công bố thông tin là người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được uỷ quyền công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được uỷ quyền công bố thông tin công bố.
9. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Quy chế này.

10. Ngày báo cáo về việc công bố thông tin là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK HN hoặc ngày UBCKNN, SGDCK HN nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

11. Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán được xác định như sau:

- a. Là ngày đặt lệnh giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK HN;
- b. Là ngày đăng ký thực hiện giao dịch quyền mua, đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trong trường hợp thực hiện quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu;
- c. Là ngày các bên đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- d. Là ngày nộp phiếu tham dự đấu giá trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;
- đ. Là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng tại tổ chức phát hành trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua SGDCK HN.

12. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định như sau:

- a. Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK HN;
- b. Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;
- c. Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;
- d. Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- đ. Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;
- e. Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua SGDCK HN.

13. Đối với tài liệu dưới dạng văn bản: Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:

- Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.
- Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).

14. Bản scan văn bản dùng CBTT phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.

15. Dữ liệu điện tử dùng CBTT là dữ liệu có định dạng word/excel/pdf (word/excel sử dụng bảng mã Unicode) và được ký số điện tử.

16. Tổ chức kiểm toán được chấp thuận là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

12. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.

13. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.

14. Thông tư số 96 là Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán.

15. Quy chế số 606 là Quy chế số 606/QĐ-SGDCKHN ngày 29/9/2016 về việc ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin của Công ty phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật bảo đảm yêu cầu công khai, minh bạch về hoạt động của Công ty.

2. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

3. Các tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, tổ chức, cá nhân công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

4. Các tổ chức, cá nhân khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK HN về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 2 Điều này và các cá nhân công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK HN 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK HN thực hiện công khai thông tin.

Đối với công bố thông tin định kỳ, bất thường, báo cáo sử dụng vốn theo quy định tại Chương II, Chương III Thông tư 96, Công ty thực hiện báo cáo, công bố thông tin trên website, Hệ thống công bố thông tin của SGDCK HN và không phải thực hiện qua Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN.

5. Việc công bố thông tin của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện. Việc công

bố thông tin do người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 6 Quy chế này.

6. Bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo Quy chế này như sau:

a. Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên website của Công ty tối thiểu là 05 năm;

b. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên website của Công ty tối thiểu là 05 năm;

c. Các thông tin đã công bố, báo cáo dưới dạng văn bản phải được lưu trữ bảo quản theo quy định lưu trữ hồ sơ của Công ty. Việc hủy thông tin trên website của Công ty không đồng nhất với việc hủy thông tin gốc;

Điều 5. Ngôn ngữ công bố thông tin

1. Ngôn ngữ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Công ty thực hiện công bố thông tin đồng thời bằng tiếng Anh theo quy định tại khoản 2 Điều này. Thông tin công bố bằng tiếng Anh phải bảo đảm thống nhất với nội dung thông tin công bố bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng.

2. Công ty thực hiện công bố thông tin đồng thời bằng tiếng Anh theo lộ trình sau:

a) Công ty công bố thông tin định kỳ đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025;

b) Công ty công bố thông tin bất thường, công bố thông tin theo yêu cầu và công bố thông tin về các hoạt động khác của công ty đại chúng đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin

1. Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin.

a. Người được ủy quyền công bố thông tin là người phụ trách công bố thông tin theo quy định. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời của thông tin được công bố do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.

b. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả Tổng giám đốc và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì Phó Tổng giám đốc được ủy quyền sẽ thực hiện công bố thông tin.

c. Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin theo các quy định tại Điều 6 Thông tư số 96.

2. Nhà đầu tư là cá nhân thuộc diện phải công bố thông tin theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Quy chế này có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc uỷ quyền cho 01 tổ chức hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như sau:

a. Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, trong lần công bố thông tin đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho UBCKNN và SGDCK HN Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96 và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nêu trên;

b. Trường hợp ủy quyền công bố thông tin, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho người được ủy quyền công bố thông tin để những người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định của pháp luật;

c. Nhà đầu tư cá nhân phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người được ủy quyền công bố thông tin theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 96.

3. Nhà đầu tư là tổ chức thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Thông tư số 96.

4. Nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Thông tư số 96 và pháp luật về hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 7. Hình thức và phương tiện báo cáo, công bố thông tin

1. Hình thức báo cáo, công bố thông tin gồm văn bản và dữ liệu điện tử.

2. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:

a. Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;

b. Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN (IDS);

c. Hệ thống công bố thông tin của SGDCK HN (CIMS);

d. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật và cơ quan đại diện chủ sở hữu (nếu có) như trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, báo in, báo điện tử,....

3. Công bố thông tin trên Website của Công ty:

a. Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK HN mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ Website của Công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi;

b. Website của Công ty phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông, trong đó phải công bố Điều lệ Công ty, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, Bản cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo quy định của pháp luật;

c. Website của Công ty phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu đăng tải.

4. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ, Công ty vẫn thực hiện công bố thông tin trên Website của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

5. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN và SGDCK HN thực hiện theo hướng dẫn Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Điều 8. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác.

2. Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK HN về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

3. Ngay sau khi sự kiện bất khả kháng được khắc phục, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Điều 9. Công bố thông tin định kỳ

1. Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận như sau:

a. Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

b. Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính;

c. Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán là 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày 31/12.

2. Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận như sau:

a. Nội dung báo cáo tài chính bán niên và báo cáo soát xét tương tự như quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này;

b. Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét là 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày 30/06.

3. Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) như sau:

a. Nội dung báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) tương tự theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này;

b. Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý là 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) là 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

c. Trường hợp Công ty đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của Báo cáo tài chính quý thì không phải thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý.

4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

5. Công ty phải lập Báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 96 và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày 31/12. Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

6. Công ty phải công bố Báo cáo tình hình quản trị Công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 96 trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày 30/06 và ngày 31/12; Đồng thời, Công ty gửi SGDCK HN Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công ty theo hướng dẫn của SGDCK HN.

7. Công ty báo cáo SGDCK HN về Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ công ty và dữ liệu điện tử, cụ thể như sau:

a. Báo cáo Quý 1 năm dương lịch: căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 28 của tháng 02 và gửi cho SGDCK HN chậm nhất là ngày 10 của tháng 03 (Mẫu 4 Phụ lục 2).

b. Báo cáo Quý 2 năm dương lịch: căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31 của tháng 05 và gửi cho SGDCK HN chậm nhất là ngày 10 của tháng 06 (Mẫu 4 Phụ lục 2).

c. Báo cáo 6 tháng đầu năm căn cứ danh sách cổ đông chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 30/06, thời hạn là ngày 30/07 (Mẫu 5 Phụ lục 2);

d. Báo cáo Quý 3 năm dương lịch: căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31 của tháng 08 và gửi cho SGDCK HN chậm nhất là ngày 10 của tháng 09 (Mẫu 4 Phụ lục 2).

e. Báo cáo Quý 4 năm dương lịch: căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30 của tháng 11 và gửi cho SGDCK HN chậm nhất là ngày 10 của tháng 12 (Mẫu 4 Phụ lục 2).

f. Báo cáo 6 tháng cuối năm căn cứ danh sách cổ đông chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 31/12, thời hạn là 30/01 năm tiếp theo (Mẫu 5 Phụ lục 2);

Điều 10. Công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ

Công ty phải thực hiện công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

1. Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại khoản này.

2. Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.

3. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.

4. Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.

5. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.

6. Quyết định về việc tổ chức lại Công ty (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản Công ty; thay đổi mã số thuế; thay đổi tên, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty. Trường hợp thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty thực hiện theo theo mẫu số 9 Phụ lục 2 đính kèm theo Quy chế này.

7. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo việc lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán; doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.

8. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc

giải thể công ty con, công ty liên kết; quyết định đầu tư, giảm vốn hoặc thoái vốn đầu tư tại các doanh nghiệp khác. Trong trường hợp có thay đổi mô hình công ty hoặc loại báo cáo tài chính, Công ty thực hiện theo Mẫu số 10 Phụ lục 2 kèm theo Quy chế này.

9. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty.

10. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

a. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

b. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

c. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

Việc công bố thông tin thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết quy định tại khoản này đồng thời phải thực hiện công bố theo Mẫu số 11 Phụ lục 2 đính kèm theo Quy chế này.

11. Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Trường hợp này, Công ty phải gửi Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96, Thông báo thay đổi nhân sự theo Mẫu số 6 Phụ lục 2 đính kèm theo Quy chế này.

12. Trường hợp phát sinh thay đổi thông tin của người nội bộ và người có liên quan đã cung cấp theo Phụ lục III Thông tư số 96, Công ty báo cáo SGDCK HN theo mẫu số 8 Phụ lục 2 kèm theo Quy chế này.

13. Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

14. Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;

15. Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt Công ty vi phạm pháp luật về thuế;

16. Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.

17. Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.

18. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty.

19. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

20. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính cùng thời điểm công bố báo cáo tài chính.

21. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Khi công bố thông tin theo quy định tại Điều này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 11. Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

1. Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

3. Trường hợp có thay đổi hoặc hủy thông báo, Công ty phải gửi thông báo bằng văn bản theo khoản 2 Điều 11 Quy chế số 606 và theo khoản 4 Điều 5 Quy chế về thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán tại Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 09/QĐ-HĐTV ngày 10/08/2023, đồng thời phải công bố thông tin về việc thay đổi/hủy nội dung thông báo.

Điều 12. Công bố thông tin họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường hoặc lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản

1. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông

a. Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải công bố trên Website của Công ty và Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK HN về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội

đồng cổ đông, bao gồm: Thông báo mời họp; Chương trình họp, phiếu biểu quyết; Tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

b. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có).

2. Tài liệu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản

Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Công ty phải công bố trên Website của Công ty, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

Điều 13. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK HN khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a. Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
- b. Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK HN yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 14. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công ty

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

Công ty công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên website của Công ty, hệ thống công bố thông tin của SGDCK HN, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của UBCKNN theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ:

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

CHƯƠNG III

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

THUỘC DIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 15. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan và nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCK HN theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 96 trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu đang sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Công ty, UBCKNN và SGDCK HN trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 96.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Quy chế này.

4. Quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục IX và Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 96 căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài đó nắm giữ.

5. Quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này không áp dụng đối với các nhà đầu tư thuộc diện công bố thông tin không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

6. Công ty phải công bố thông tin trên Website của Công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các nhà đầu tư được quy định tại Điều này.

Điều 16. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

1. Người nội bộ của Công ty (sau đây gọi là người nội bộ) và người có liên quan của người nội bộ (sau đây gọi là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK HN, Công ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK HN (như các giao

dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a. Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 96;

b. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK HN đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK HN;

c. Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, người nội bộ và người có liên quan được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

d. Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó;

đ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 96;

e. Người nội bộ và người có liên quan thuộc diện phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời thuộc diện phải công bố thông tin theo quy định tại Điều 15 Quy chế này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Điều này.

2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc diện phải báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời thuộc diện phải báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 15 Quy chế này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 15 Quy chế này.

3. Quy định về nghĩa vụ công bố thông tin tại điểm a, b và d khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ.

4. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, nhà đầu tư đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan, nhà đầu tư đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Công ty, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu đăng ký giao dịch của cổ phiếu Công ty, công

ty chứng khoán phải báo cáo UBCKNN, SGDCK HN, Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

6. Trường hợp các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

7. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, Công ty phải công bố trên Website của Công ty.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Người được ủy quyền công bố thông tin

1. Người được ủy quyền công bố thông tin là đầu mối tiếp nhận, tổng hợp các thông tin và thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Quy chế này.

2. Người được ủy quyền công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về:

- a. Các thông tin phải được người có thẩm quyền phê duyệt trước khi công bố;
- b. Các thông tin công bố phải đúng với thông tin đã được người có thẩm quyền phê duyệt;
- c. Các thông tin công bố phải được đăng tải trên Website của Công ty, được gửi đến hệ thống công bố thông tin của UBCKNN và SGDCK HN đúng thời gian quy định. Khi có trục trặc về đường truyền internet, người được ủy quyền công bố thông tin phải bằng mọi cách liên hệ với UBCKNN và SGDCK HN để được hỗ trợ và chuyển giao thông tin bằng các hình thức khác, không để xảy ra việc Công ty vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin.
- d. Chủ động đề xuất với Tổng giám đốc các giải pháp để Công ty đảm bảo thực hiện đúng nghĩa vụ công bố thông tin.

Điều 10. Thư ký của Hội đồng quản trị

1. Chủ động cung cấp thông tin theo thời hạn được quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Quy chế này cho Người được ủy quyền công bố thông tin ngay khi phát sinh các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị phải công bố thông tin bắt thường theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

2. Thu thập đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin của Hội đồng quản trị để lập Báo cáo tình hình Quản trị Công ty, Báo cáo danh sách cổ đông lớn và cổ đông nhà nước, Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ, các báo cáo khác theo quy định.

3. Lập, lưu trữ thông tin, cập nhật danh sách nhà đầu tư sở hữu từ 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty; danh sách, thông tin người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ; danh sách và thông tin này được cập nhật thường xuyên mỗi khi có sự

thay đổi được chuyển giao kịp thời cho Người được ủy quyền công bố thông tin để theo dõi, hoàn thành nghĩa vụ công bố thông tin.

4. Thu thập và phối hợp thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin:

a. Báo cáo tài chính;

b. Báo cáo thường niên;

c. Công tác hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường hoặc lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản;

d. Hoạt động chào bán chứng khoán;

đ. Hoạt động chào mua công khai;

e. Giao dịch cổ phiếu quỹ.

f. Thông tin theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK HN.

Điều 17. Ban Kiểm soát

1. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin của Ban Kiểm soát để lập Báo cáo tình hình Quản trị công ty.

2. Chủ động cung cấp thông tin theo thời hạn được quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Quy chế này cho Người được ủy quyền công bố thông tin hoặc ngay sau khi Ban Kiểm soát phát sinh các nội dung phải công bố thông tin bất thường theo Điều 10 Quy chế này.

3. Phối hợp và cung cấp kịp thời các thông tin theo đề nghị của Người được ủy quyền công bố thông tin để hoàn thành nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định.

Điều 18. Phòng Kế toán

1. Cung cấp file Excel và bản cứng Báo cáo tài chính (kèm văn bản giải trình – nếu có) cho Người được ủy quyền công bố thông tin theo thời hạn được quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Quy chế này. Trường hợp ngày phải công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Phòng Kế toán đề xuất Tổng giám đốc kế hoạch chi tiết đảm bảo việc công bố thông tin đúng quy định;

2. Cung cấp thông tin liên quan đến việc ký hợp đồng, hủy hợp đồng kiểm toán hoặc thay đổi đơn vị kiểm toán độc lập;

3. Cung cấp thông tin về các giao dịch phải báo cáo theo Thông tư số 96 để lập Báo cáo tình hình quản trị 6 tháng và hàng năm;

4. Định kỳ lập báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và báo cáo tình hình thanh toán lãi gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp (nếu có);

5. Chủ động cung cấp thông tin cho Người được ủy quyền công bố thông tin trước hoặc ngay sau khi Phòng kế toán phát sinh các nội dung phải công bố thông tin bất thường theo Điều 10 Quy chế này.

6. Phối hợp và cung cấp các thông tin theo yêu cầu của Người được ủy quyền công bố thông tin để hoàn thành nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định.

Điều 19. Phòng Nhân sự

1. Cung cấp thông tin về tổng số lao động, tiền lương bình quân, tiền thưởng và thu nhập khác của người lao động để lập Báo cáo thường niên hàng năm.

2. Chủ động cung cấp thông tin theo thời hạn được quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Quy chế này cho Người được ủy quyền công bố thông tin hoặc ngay sau khi Phòng nhân sự phát sinh các nội dung phải công bố thông tin bất thường theo Điều 10 Quy chế này.

3. Phối hợp và cung cấp các thông tin theo yêu cầu của Người được ủy quyền công bố thông tin để hoàn thành nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định.

Điều 20. Phòng Kinh doanh, Phòng Kỹ thuật và Ban Quản trị tổng hợp

1. Chủ động cung cấp thông tin theo thời hạn được quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Quy chế này cho Người được ủy quyền công bố thông tin hoặc ngay sau khi phát sinh các nội dung phải công bố thông tin bất thường theo Điều 10 Quy chế này.

2. Phối hợp và cung cấp các thông tin theo yêu cầu của Người được ủy quyền công bố thông tin để hoàn thành nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định.

Điều 21. Văn phòng Công ty

1. Cung cấp thông tin theo thời hạn được quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Quy chế này cho Người được ủy quyền công bố thông tin tổng hợp khi có sự thay đổi các nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc phát sinh các thông tin phải công bố theo Điều 10 Quy chế này thuộc chức năng nhiệm vụ của Văn phòng;

2. Khi nhận được yêu cầu công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK HN, nhân viên Văn thư phải báo cáo ngay cho Tổng giám đốc đồng thời chuyển giao 01 bản copy cho Người được ủy quyền công bố thông tin.

3. Chủ động cung cấp thông tin cho Người được ủy quyền công bố thông tin trước hoặc ngay sau khi Văn phòng phát sinh các nội dung phải công bố thông tin bất thường theo Điều 10 Quy chế này.

4. Phối hợp và cung cấp các thông tin theo yêu cầu của Người được ủy quyền công bố thông tin để hoàn thành nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định.

Điều 22. Người nội bộ

1. Người nội bộ phải kê khai và gửi cho Thư ký của Hội đồng quản trị Bản cung cấp thông tin theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96 khi trở thành người nội bộ và khi có bất kỳ sự thay đổi nào đối với các thông tin kê khai trước đó;

2. Định kỳ 6 tháng cung cấp thông tin về các giao dịch giữa người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ với Công ty và các công ty thành viên (nếu có), về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ đối với cổ phiếu của công ty (nếu có) với thời hạn như sau:

a. Về các giao dịch 6 tháng đầu năm chậm nhất là 10/07;

b. Về các giao dịch 6 tháng cuối năm chậm nhất là ngày 10/01 năm sau.

CHƯƠNG V XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 23. Xử lý vi phạm

1. Các Trưởng Phòng/Ban và Chánh Văn phòng phải chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị về việc không cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Người được ủy quyền công bố thông tin để thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định.

2. Tổ chức, cá nhân thuộc Công ty có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, dẫn đến việc Công ty vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin bị xử lý hành chính hoặc xử lý hình sự hoặc làm ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh và uy tín của Công ty, thì tùy theo từng trường hợp cụ thể sẽ bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định hiện hành của Công ty.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung

1. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, Tổng giám đốc rà soát, tổng hợp trình HĐQT xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến việc công bố thông tin của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những thay đổi mới của pháp luật dẫn đến các quy định của bản Quy chế này trái hoặc không còn phù hợp với quy định pháp luật mới thì áp dụng theo quy định của pháp luật mới đó.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành.
2. Tổng giám đốc có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lương Minh Hiền

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ PHỐI HỢP CUNG CẤP THÔNG TIN ĐỐI VỚI CÁC BỘ PHẬN LIÊN QUAN

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin	Thời hạn cung cấp thông tin	Ghi chú
	A. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ				
	I. Báo cáo tài chính				
1	Báo cáo tài chính quý (đối với công ty mẹ hoặc đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý (Trước ngày 20/1; 20/4; 20/7; 20/10)	Phòng Tài chính Kế toán cung cấp cho người CBTT bản Scan/file (bản tiếng Việt + Anh): - Báo cáo tài chính; - Văn bản giải trình (nếu có);	Chậm nhất 03 ngày làm việc trước thời hạn CBTT theo quy định	
2	Báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có)	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý			
3	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét (đối với công ty mẹ hoặc đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.			
4	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính			
5	Chú ý khi công bố thông tin Báo cáo tài chính phải giải trình nguyên nhân khi xảy ra 1 trong các trường hợp sau: - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.	Công bố thông tin đồng thời với Báo cáo tài chính cần giải trình			



STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin	Thời hạn cung cấp thông tin	Ghi chú
	II. Báo cáo thường niên				
6	Báo cáo thường niên	Chậm nhất 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 110 ngày , kể từ ngày kết thúc năm tài chính	- Người phụ trách quản trị; - Các cá nhân và các trưởng Phòng/ Ban có liên quan nội dung báo cáo; - Người thực hiện CBTT/ người được ủy quyền chịu trách nhiệm báo cáo dịch sang tiếng Anh.	Tối thiểu 07 ngày làm việc trước thời hạn CBTT theo quy định.	
	III. Báo cáo tình hình quản trị công ty				
7	Báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên	Chậm nhất 30 ngày , kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch	- Người phụ trách quản trị; - Các cá nhân và các trưởng Phòng/ Ban có liên quan nội dung báo cáo; - Người thực hiện CBTT/ người được ủy quyền chịu trách nhiệm báo cáo dịch sang tiếng Anh.	Tối thiểu 07 ngày làm việc trước thời hạn CBTT theo quy định.	
8	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm	Chậm nhất 30 ngày , kể từ ngày kết thúc năm dương lịch			
9	Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công ty 6 tháng/năm theo Mẫu NY-02 - Một bản báo cáo - Một bản dữ liệu điện tử theo định dạng Excel	<i>Gửi kèm Báo cáo tình hình quản trị công ty đến Sở Giao dịch Chứng khoán</i>			
	IV. Đại hội đồng cổ đông				
10	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	- Người phụ trách quản trị; - Các cá nhân và các trưởng Phòng/ Ban có liên quan nội dung báo cáo; - Người thực hiện CBTT/ người được ủy quyền chịu trách nhiệm báo cáo dịch sang tiếng Anh.	Tối thiểu 15 ngày trước thời hạn CBTT theo quy định	
11	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông	Chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ			
12	Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và bộ tài liệu thông qua tại Đại hội <i>Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.</i>	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ			
	V. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản				

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin	Thời hạn cung cấp thông tin	Ghi chú
13	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng theo Điều lệ CTCP Sonadezi Long Bình	- Người phụ trách quản trị; - Các cá nhân và các trưởng Phòng/ Ban có liên quan nội dung báo cáo; - Người thực hiện CBTT/ người được ủy quyền chịu trách nhiệm báo cáo dịch sang tiếng Anh	Tối thiểu 15 ngày trước thời hạn chốt CBTT theo quy định	
14	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết	Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến			
15	Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ <i>Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.</i>	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông			
	VI. Danh sách Cổ đông Nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ				
16	Báo cáo SGDCK DSCĐ Nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ Quý 1 năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 10/03 <i>(căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 28/02)</i>	Người phụ trách quản trị;	Tối thiểu 03 ngày làm việc trước thời hạn CBTT theo quy định	
17	Báo cáo SGDCK DSCĐ Nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ Quý 2 năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 10/06 <i>(căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/05)</i>			
18	Báo cáo SGDCK DSCĐ Nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ Quý 3 năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 10/09 <i>(căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/08)</i>			
19	Báo cáo SGDCK DSCĐ Nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ Quý 4 năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 10/12 <i>(căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/11)</i>			
20	Báo cáo SGDCK DSCĐ Nhà nước, cổ đông lớn 6 tháng đầu năm	Chậm nhất là ngày 30/07 <i>(căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/06)</i>			
21	Báo cáo SGDCK DSCĐ Nhà nước, cổ đông lớn 6 tháng đầu năm	Chậm nhất là ngày 30/01 <i>(căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/12)</i>			

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin	Thời hạn cung cấp thông tin	Ghi chú
	B. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG				
22	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa.	Trong thời hạn 24 giờ	- Phòng Tài chính - Kế toán - Người thực hiện CBTT/ người được ủy quyền chịu trách nhiệm báo cáo dịch sang tiếng Anh	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
23	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh	Trong thời hạn 24 giờ	- Phòng Kinh doanh - Người thực hiện CBTT/ người được ủy quyền chịu trách nhiệm báo cáo dịch sang tiếng Anh		
24	Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Trong thời hạn 24 giờ	Văn phòng Công ty		
25	Công bố thông tin về thay đổi nội dung, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động theo <i>Phụ lục III - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN</i>	Gửi kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động thay đổi trong thời hạn 24 giờ	Văn phòng Công ty		
26	Bị đình chỉ, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng Kinh doanh		
27	Quyết định mua lại cổ phiếu hoặc bán cổ phiếu quỹ.	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng Tài chính – Kế toán		
28	Quyết định ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng Tài chính – Kế toán		

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin	Thời hạn cung cấp thông tin	Ghi chú
29	Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng Tài chính – Kế toán	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
30	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.	Trong thời hạn 24 giờ	Người phụ trách quản trị		
31	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp. phá sản doanh nghiệp;	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng Kinh doanh		
32	Quyết định thay đổi mã số thuế, tên công ty, con dấu của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Văn phòng Công ty		
33	Quyết định thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng Kinh doanh		
34	Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.	Trong thời hạn 24 giờ	Người phụ trách quản trị		
35	Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng Kinh doanh		
36	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật).	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng Tài chính – Kế toán		
37	Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng).	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng Tài chính – Kế toán		
38	Việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng Tài chính – Kế toán		
39	Kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC (nếu có).	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng Tài chính – Kế toán		
40	Ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với BCTC.	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng Tài chính – Kế toán		

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin	Thời hạn cung cấp thông tin	Ghi chú
41	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.	Trong thời hạn 24 giờ	Người phụ trách quản trị	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
42	Trường hợp Công ty thay đổi mô hình công ty (tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết), ngoài việc thực hiện công bố thông tin theo quy định, tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện đăng ký theo Phụ lục IV - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN .	Trong thời hạn 24 giờ	Người phụ trách quản trị		
43	Quyết định của ĐHDCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;	Trong thời hạn 24 giờ	- Người phụ trách quản trị; - Các cá nhân và các trưởng Phòng/ Ban có liên quan nội dung báo cáo; - Người thực hiện CBTT/ người được ủy quyền chịu trách nhiệm báo cáo dịch sang tiếng Anh		
44	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm CBTT thực hiện như sau:				

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin	Thời hạn cung cấp thông tin	Ghi chú
45	- Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;	Trong thời hạn 24 giờ	- Phòng Tài chính Kế toán; - Người phụ trách quản trị (phối hợp).	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
46	- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;	Trong thời hạn 24 giờ			
47	- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của công ty thông qua công ty chứng khoán; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc để sửa lỗi giao dịch, công ty CBTT trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT.	Trong thời hạn 24 giờ			
48	Quyết định về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ.	Trong thời hạn 24 giờ	- Phòng Nhân sự; - Người phụ trách quản trị (phối hợp)		
49	- Công ty nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty)	Trong thời hạn 24 giờ			
50	- Công ty gửi (Bản cứng) cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục III - TT96	Trong thời hạn 24 giờ	- Người phụ trách quản trị; - Phòng Nhân sự (phối hợp).		



STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin	Thời hạn cung cấp thông tin	Ghi chú
51	- Công ty công bố thông tin Thay đổi nhân sự theo Phụ lục I - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN và gửi kèm SGDCK Bản cung cấp thông tin (trường hợp bổ nhiệm người nội bộ mới) theo Phụ lục III - TT96	Trong thời hạn 24 giờ		Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
52	Trường hợp có sự thay đổi người có liên quan của người nội bộ, Công ty báo cáo cho SGDCK về thay đổi người có liên quan của người nội bộ theo Phụ lục II - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN	Trong thời hạn 24 giờ			
53	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;	Trong thời hạn 24 giờ	- Phòng Tài chính Kế toán; - Người phụ trách quản trị (phối hợp).		
54	Nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	- Phòng Nhân sự; - Người phụ trách quản trị (phối hợp)		
55	Nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty;	Trong thời hạn 24 giờ	Văn Phòng Công ty		
56	Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	Trong thời hạn 24 giờ	Phòng Tài chính Kế toán;		
57	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	- Phòng Tài chính Kế toán;		
58	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;	Trong thời hạn 24 giờ	- Người phụ trách quản trị; - Các cá nhân và các trưởng Phòng/ Ban có liên quan nội		

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin	Thời hạn cung cấp thông tin	Ghi chú
59	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	dung báo cáo; - Người thực hiện CBTT/ người được ủy quyền chịu trách nhiệm báo cáo dịch sang tiếng Anh.	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
60	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.	Trong thời hạn 24 giờ	- Người phụ trách quản trị; - Phòng Tài chính Kế toán (phối hợp).		
61	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.	Trong thời hạn 24 giờ			
62	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.	Trong thời hạn 24 giờ			
63	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)	Trong thời hạn 24 giờ			
64	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.	Trong thời hạn 10 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	Phòng Tài chính Kế toán		
	C. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU				
65	Theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán khi:			Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
66	1) Xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Người phụ trách quản trị		
67	2) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu			

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin	Thời hạn cung cấp thông tin	Ghi chú
	D. CBTT LIÊN QUAN ĐẾN NGÀY ĐĂNG KÝ CUỐI CÙNG THỰC HIỆN QUYỀN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU				
68	Thực hiện CBTT cho UBCKNN, VSDC, báo cáo cho SGDCK đồng thời CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông và các tài liệu liên quan.	Chậm nhất 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ) Chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện các quyền khác)	Người phụ trách quản trị	Tối thiểu 03 ngày làm việc trước thời hạn CBTT theo quy định	
69	Trường hợp hủy nội dung thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện và ngày đăng ký cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của SGDCK, CBTT và gửi thông báo cho SGDCK nêu rõ lý do hủy.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng		Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
70	Tổ chức niêm yết gửi cho SGDCK tóm tắt số cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng và dữ liệu điện tử danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng theo quy định của VSDC	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng		Tối thiểu 03 ngày làm việc trước thời hạn CBTT theo quy định	
	E. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC				
71	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.	Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán	- Người phụ trách quản trị; - Phòng Tài chính Kế toán (phối hợp).	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
72	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Theo quy định pháp luật CK hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên TTCKVN	Người phụ trách quản trị		

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin	Thời hạn cung cấp thông tin	Ghi chú
73	Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	- Người phụ trách quản trị; - Phòng Tài chính Kế toán (phối hợp).		
74	Tổng tài sản (ghi trong sổ kế toán) giảm hơn 10% do mua lại cổ phiếu của chính mình	CBTT và báo cho các chủ nợ trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn tất thanh toán	Phòng Tài chính Kế toán		

PHỤ LỤC 2: CÁC MẪU BIỂU

Mẫu số	Nội dung	Biểu mẫu
1.	Báo cáo thường niên (Phụ lục IV - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)	 Phu lục IV - TT96 - BCTN
2.	Báo cáo quản trị 06 tháng đầu năm/năm (Phụ lục V - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)	 Phu lục V - TT96 - BCQT
3.	Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty (Mẫu NY-02 – Quy chế niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết)	 Mau NY-02.docx
4.	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ công ty	 HNX - Danh sách CDL, CDCL, CDNN, C
5.	Báo cáo cổ đông nhà nước, cổ đông lớn công ty	 HNX - Bao cao CDNN, CDL.docx
6.	Thay đổi người nội bộ (Phụ lục I - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)	 Phu lục I - Thay doi NNB
7.	Bản cung cấp thông tin người nội bộ (Phụ lục III - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)	 Phu lục III - TT96 - BCCTT
8.	Thay đổi người có liên quan của người nội bộ (Phụ lục II - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)	 Phu lục II - Thay doi NCLQ của NNB
9.	Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục III - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)	 Phu lục III - Thay doi Giấy CNDKDN



10.	Đăng ký mô hình công ty và loại báo cáo tài chính (Phụ lục IV - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)	 Phu lục IV - TB đăng ký, thay đổi m
11.	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành (Phụ lục V - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)	 Phu lục V - TB thay đổi SLCP đang lưu h
12.	Công bố thông tin bất thường (Phụ lục VI - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)	 Phu lục VI - CBTT bat thuong.docx
13.	Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn (Phụ lục VII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)	 Phu lục VII - CDL
14.	Báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty khi có thay đổi số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết (Phụ lục VIII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)	 Phu lục VIII - CDL giao dich vuot nguc
15.	Thông báo Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của của người nội bộ (Phụ lục XIII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)	 Phu lục XIII - Thong bao GD NNB
16.	Báo cáo Kết quả giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (Phụ lục XV - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)	 Phụ lục XV - Bao cao GD NNB
17.	Thông báo ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu (Mẫu 07/THQ - Quyết định 09/QĐ-HĐTV ban hành ngày 10/08/2023)	 Mau 07-THQ.doc
18.	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)	 Bao cao tien do su dung von